

TRUNG LẬP

Doanh thu 2025 cao nhất 10 năm, lợi nhuận khả quan

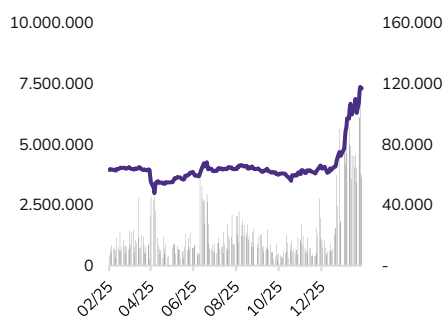
Lê Thị Kim Huê

Email: hue. lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Dầu khí
Ngày báo cáo	: 10/02/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 115.700
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 115.400
Tỷ lệ tăng (%)	: -0,3%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 279.179
SLCPLH (CP)	: 2.412.953.106

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	10,5%	75,1%
Tăng trưởng LNST (%)	-24,9%	-33,4%
Biên LNG (%)	16,2%	8,7%
Biên LNST (%)	8,2%	3,1%
ROA (%)	2,5%	1,5%
ROE (%)	3,4%	2,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,05	0,04
EPS (VND/CP)	852	558
BVPS (VND/CP)	25.718	27.475

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Q4/2025, DTT tăng trưởng ấn tượng nhưng lợi nhuận lại đi lùi svck do tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

✓ Doanh thu thuần (DTT) của GAS đạt 43.683 tỷ đồng (+75,1% svck). Lợi nhuận gộp đạt 3.793 tỷ đồng (-6,2% svck), biên lợi nhuận gộp giảm mạnh về 8,7% (-7,5 điểm % svck). Trong đó:

➤ **Mảng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) – mảng đóng góp chính vào cơ cấu DTT của GAS – có sự tăng trưởng mạnh.** DTT Q4/2025 mảng này đạt 26.783 tỷ đồng (+141,2% svck, chiếm 61,4% cơ cấu DTT). Tuy nhiên, mảng này có biên lợi nhuận gộp khá thấp (chỉ 3,2%) nên lợi nhuận gộp mảng này chỉ đạt 866 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước bị lỗ 2.701 tỷ đồng. Mảng kinh doanh khí LPG được đẩy mạnh trên thị trường quốc tế (đặc biệt là xuất khẩu sang Campuchia) đã giúp thúc đẩy DTT tăng trưởng nhưng biên lợi nhuận gộp lại thấp theo chúng tôi là do GAS chỉ là đơn vị thương mại khí LPG, bên cạnh đó là do cước vận chuyển, bảo hiểm....

➤ **Mảng khí khô & khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) – mảng đóng góp chủ đạo trong cơ cấu lợi nhuận gộp của GAS – có biên lợi nhuận sụt giảm mạnh svck.** DTT Q4/2025 mảng này đạt 15.349 tỷ đồng (+36% svck), lợi nhuận gộp mảng này đạt 2.396 tỷ đồng (-58,9% svck), biên lợi nhuận gộp thu hẹp mạnh về còn 15,6% (-36 điểm % svck). Chúng tôi cho rằng mảng này vẫn có sự tăng trưởng về DTT chủ yếu do GAS đã gia tăng mạnh sản lượng phân phối LNG cho các nhà máy điện trong bối cảnh mảng khí khô bị suy giảm mạnh do các mỏ khí đã khai thác lâu năm, tuy nhiên mảng khí LNG có biên lợi nhuận thấp hơn mảng khí khô nên biên lợi nhuận gộp đã bị sụt giảm mạnh svck.

➤ **Mảng vận chuyển khí & Khí ngưng tụ (condensate) đóng góp 689 tỷ đồng DTT (-19,6% svck, chiếm tỷ lệ rất nhỏ 1,6% trong cơ cấu DTT) và 379 tỷ đồng lợi nhuận gộp (-49,2% svck, chiếm 10,1% lợi nhuận gộp).** Biên lợi nhuận gộp mảng này ở mức cao 55% nhưng vẫn sụt giảm mạnh -32 điểm % svck.

✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh lên 2.394 tỷ đồng (+35,5% svck) cũng khiến lợi nhuận bị bào mòn. Điều này là do trong kỳ GAS đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1.172 tỷ đồng (+79% svck).

✓ **Kết quả, Q4/2025, lợi nhuận từ HĐKD đạt 1.764 tỷ đồng (-31,4% svck). LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 1.361 tỷ đồng (-33,4% svck).**

- Doanh thu 2025 lên đỉnh 10 năm, lợi nhuận khả quan svck:

✓ Lũy kế năm 2025, DTT của GAS đạt 135.129 tỷ đồng (+30,5% svck), Lợi nhuận gộp đạt 16.939 tỷ đồng (-4,1% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 12,5% (-4,5 điểm % svck). Trong đó:

➤ **Mảng khí LPG có DTT đạt 76.912 tỷ đồng (+40,1% svck), lợi nhuận gộp đạt 3.681 tỷ đồng (-13,6% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 4,8% (-3 điểm % svck).**

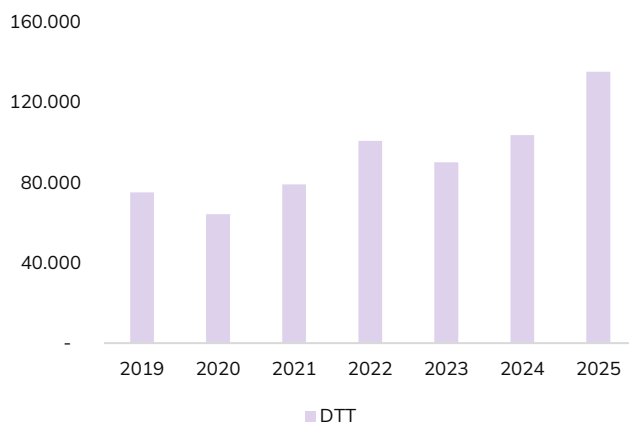
- **Mảng khí khô & LNG** có DTT đạt 52.070 tỷ đồng (+28,6% svck), lợi nhuận gộp đạt 10.448 tỷ đồng (+2,8% svck), biên lợi nhuận gộp giảm về 20,1% (-5 điểm % svck). Trong bối cảnh sản lượng khí khô ngày càng suy giảm, nhập khẩu khí LNG trở thành giải pháp dài hạn. Hiện nay, GAS là đơn vị đầu tiên và duy nhất chính thức phân phối khí LNG tại VN. Khí LNG đã bắt đầu được nhập khẩu vào VN từ năm 2023 với khối lượng 85 triệu m3 khí (tháng 7/2023), sau đó lượng nhập khẩu đã liên tục tăng. Năm 2024, tổng khối lượng LNG nhập khẩu đạt 400 triệu m3 khí (5 chuyến tàu), năm 2025 dự kiến đạt 500 triệu m3 khí. Phần lớn LNG nhập khẩu được mua theo thị trường giao ngay với giá biến động tùy theo cung cầu tại từng thời điểm. Các khách hàng tiêu thụ LNG chủ yếu là các nhà máy điện khí như Phú Mỹ 2.2, Phú Mỹ 3, Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4. Trong đó, hợp đồng cung cấp LNG dài hạn đầu tiên của Việt Nam là HĐ cung cấp khí LNG cho Nhơn Trạch 3&4 giữa GAS & POW có thời hạn 25 năm.
- **Mảng vận chuyển khí & condensate** có DTT đạt 2.389 tỷ đồng (-13,1% svck), lợi nhuận gộp đạt 1.788 tỷ đồng (-23,1% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 74,8% (-9,7 điểm % svck).
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN giảm về còn 3.814 tỷ đồng (-32% svck) do GAS hoàn nhập 457,5 tỷ đồng dự phòng phải thu khó đòi trong khi cùng kỳ năm trước trích lập dự phòng 1.249 tỷ đồng. Doanh thu tài chính giảm -8,8% svck về còn 1.584 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi giảm trong khi chi phí tài chính giảm mạnh -41,4% svck về còn 387 tỷ đồng do lãi tiền vay và lỗ tỷ giá giảm mạnh. Lợi nhuận từ HĐKD đạt 14.363 tỷ đồng (+9,2% svck).
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2025 của GAS đạt 11.414 tỷ đồng (+9,8% svck), hoàn thành 182,7% kế hoạch doanh thu & 218,3% kế hoạch LNST năm 2025.**

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

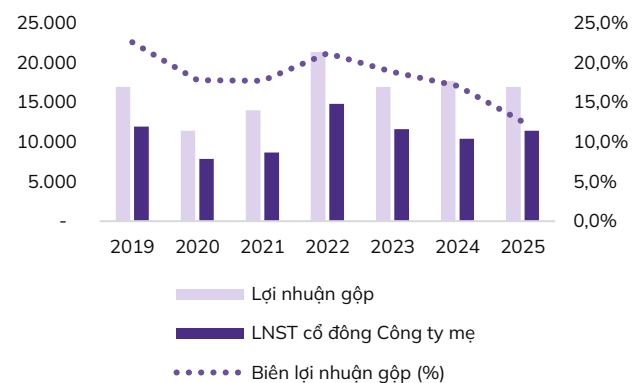
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	24.945	43.683	75,1%	103.564	135.129	30,5%
Lợi nhuận gộp	4.044	3.793	-6,2%	17.654	16.939	-4,1%
Biên LN gộp	16,2%	8,7%		17,0%	12,5%	
Chi phí BH & QLDN	(1.767)	(2.394)	35,5%	(5.612)	(3.814)	-32,0%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	7,1%	5,5%		5,4%	2,8%	
Doanh thu tài chính	420	428	2,0%	1.737	1.584	-8,8%
Chi phí tài chính	(141)	(83)	-41,3%	(660)	(387)	-41,4%
Chi phí lãi vay	(57)	(54)	-5,2%	(319)	(216)	-32,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.569	1.764	-31,4%	13.156	14.363	9,2%
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	13	19	50,8%	38	42	10,0%
Lãi/lỗ khác	(11)	(21)	91,6%	16	(4)	-122,7%
Lợi nhuận trước thuế	2.558	1.743	-31,9%	13.172	14.359	9,0%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	2.044	1.361	-33,4%	10.398	11.414	9,8%
Biên LN ròng	8,2%	3,1%		10,0%	8,4%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

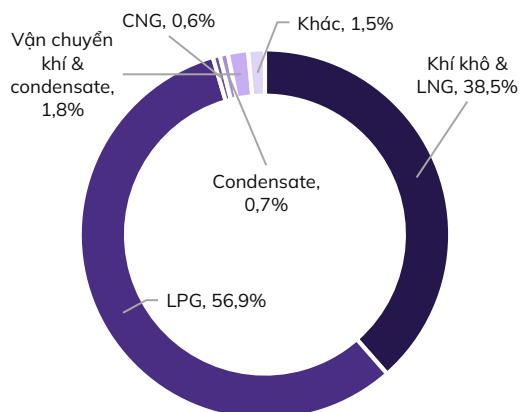
Quy mô DTT của GAS 2019-2025 (tỷ đồng)



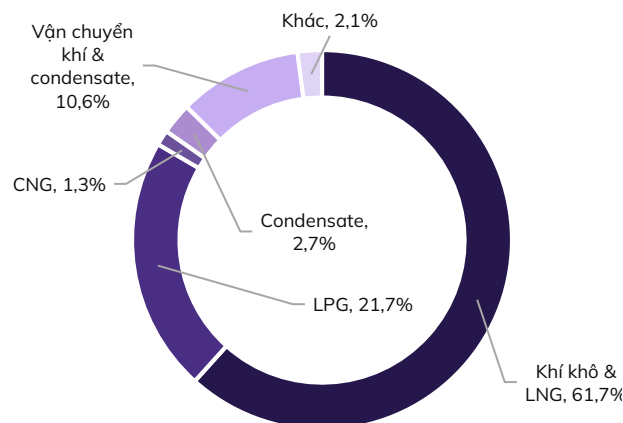
Quy mô lợi nhuận của GAS 2019-2025 (tỷ đồng)



Cơ cấu DTT năm 2025 của GAS (%)



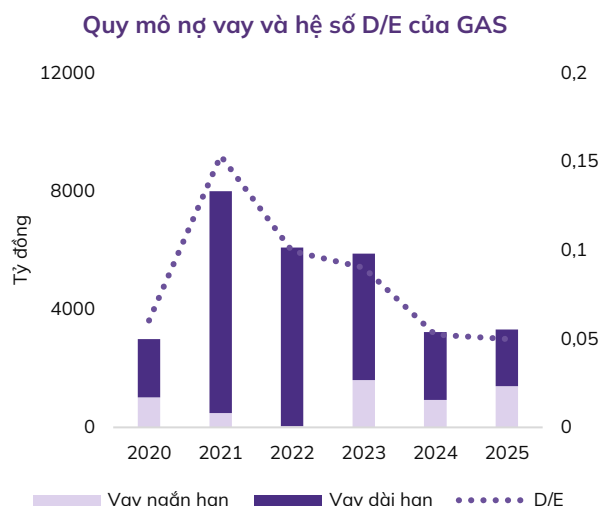
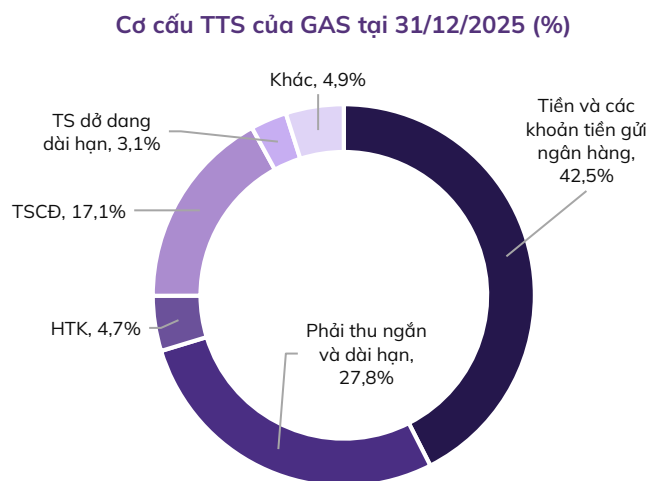
Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2025 của GAS (%)



Nguồn: GAS, FiinPro, ABS Research

• **Tình hình tài chính lành mạnh:**

- ✓ **Lượng tiền cực kỳ dồi dào.** Tại 31/12/2025, GAS có 39.767 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+20,3% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 42,5% cơ cấu TTS. Lượng tiền tăng mạnh một phần do dòng tiền HĐKD cải thiện mạnh. Lượng tiền dồi dào giúp GAS chủ động trong hoạt động kinh doanh, chủ động triển khai các dự án lớn, đồng thời giúp GAS chống đỡ tốt trong bối cảnh tỷ giá biến động mạnh và chi trả cổ tức bằng tiền. GAS có lịch sử chi trả cổ tức bằng tiền khá cao & đều đặn, đặc biệt tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023 lên mức “khủng” 60%, đây là mức cổ tức kỷ lục của GAS, cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của GAS đang ở mức rất tốt. Năm 2024, GAS cũng chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 21% và dự kiến năm 2025 là 18,5%.
- ✓ **Các khoản phải thu tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, GAS có khoản phải thu trị giá gần 25.979 tỷ đồng (+32,3% so với cuối năm 2024), chiếm 27,8% cơ cấu TTS. GAS vẫn tiếp tục ghi nhận khoản nợ xấu trị giá 3.476 tỷ đồng, giảm mạnh -38,7% so với thời điểm cuối 2024, cho thấy công tác thu hồi nợ cải thiện rõ rệt. GAS cũng đã thực hiện trích lập dự phòng gần 1.144 tỷ đồng cho khoản nợ xấu này.
- ✓ **Hàng tồn kho giảm nhẹ.** Tại 31/12/2025, hàng tồn kho có giá trị 4.364 tỷ đồng (-5,1% so với thời điểm cuối năm 2024) và chiếm 4,7% cơ cấu TTS, chủ yếu là hàng hóa và nguyên vật liệu. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn cao, đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ hàng hóa, vận hành trơn tru, chủ động hạn chế được rủi ro biến động giá.
- ✓ **Tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh:** Tại 31/12/2025, GAS có 2.877 tỷ đồng Tài sản dở dang dài hạn (+67,5% so với cuối năm 2024), chủ yếu tập trung ở Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn (2.164 tỷ đồng). Điều này cho thấy dự án đang được tích cực triển khai.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp, nợ vay tiếp tục giảm.** Tại 31/12/2025, tổng nợ vay của GAS là 2.972 tỷ đồng (-7,8% so với cuối năm 2024), trong đó nợ vay ngắn hạn là 1.440 tỷ đồng (+54,2% so với thời điểm cuối năm 2024) & nợ vay dài hạn là 1.532 tỷ đồng (-33,1% so với thời điểm cuối năm 2024). Hệ số D/E giảm nhẹ về 0,04 lần từ mức 0,05 lần của năm 2024. Nhìn chung, nợ vay đang có xu hướng giảm dần từ năm 2021 trở lại đây và trong giai đoạn từ 2019 tới nay thì hệ số D/E của GAS cao nhất là 0,15 lần (năm 2021).



Nguồn: FiinPro, ABS Research

• **Triển vọng:** Chúng tôi đánh giá triển vọng của GAS thời gian tới là khả quan dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ **Nhu cầu khí cho điện dự kiến vẫn cao:** Hiện nay, tổng công suất điện khí của nước ta là 8.653 MW. Theo QH điện VIII điều chỉnh, tổng công suất điện khí nội địa đến năm 2030 sẽ nâng lên 10.861-14.930 MW (+26-73% so với hiện tại). Điều này cho thấy nhu cầu khí trong thời gian tới là rất lớn, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới là 2 con số. Theo nghiên cứu của Wood Mackenzie, nhu cầu khí đốt của Việt Nam được dự báo sẽ tăng trung bình 12% mỗi năm và đạt mức gấp ba lần vào giữa những năm 2030.
- ✓ **Mảng LNG sẽ trở thành động lực tăng trưởng trung và dài hạn của GAS.**
 - Nhu cầu về khí LNG phục vụ sản xuất điện dự báo tăng cao: Theo phương án cung cấp khí cho sản xuất điện đến năm 2030, VN sẽ thiếu hụt khoảng 5,4 tỷ m³ khí/năm do sự suy giảm của các mỏ lâu năm. Do đó, LNG nhập khẩu sẽ là nguồn bổ sung quan trọng trong dài hạn. Theo QH điện VIII, điện khí LNG đến năm 2030 sẽ có tổng công suất là 22.524 MW. Trong đó, 2 nhà máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam là Nhơn Trạch 3&4 bắt đầu đi vào vận hành thương mại từ 2026 dự kiến cần 1,45 tỷ m³ khí/năm.
 - Khung pháp lý cho điện khí LNG đã dần được hoàn thiện trong năm 2025, hỗ trợ điện khí với việc ban hành Nghị định 56/2025/NĐ-CP, Nghị định 100/2025/NĐ-CP, Nghị định 73/2025/NĐ-CP Quyết định 1313/QĐ-BCT quy định Khung giá trần cho điện khí LNG là 3,327.42 đồng/kWh, cao hơn 28% so với quy định trước đó & Thuế nhập khẩu LNG giảm từ 5% xuống 2%. Điều này giúp cải thiện khả năng tiêu thụ khí LNG, giảm chi phí đầu vào, giúp cải thiện biên lợi nhuận cho GAS, qua đó giúp khí LNG trở thành trụ cột tăng trưởng mới, bù đắp cho xu hướng suy giảm của nguồn khí tự nhiên trong nước.
 - GAS chủ động đảm bảo nguồn cung LNG dài hạn từ nước ngoài: Như đã đề cập ở trên, hiện nay, GAS là đơn vị đầu tiên và duy nhất chính thức phân phối khí LNG tại VN. Lượng khí LNG nhập khẩu về VN đã liên tục tăng trưởng từ năm 2023 tới nay nhưng chủ yếu thực hiện trên thị trường giao ngay. Tháng 3/2025, GAS đã ký các thỏa thuận và biên bản ghi nhớ với ConocoPhillips và Excelerate về nguồn cung LNG dài hạn. Tháng 01/2026, GAS cũng vừa ký kết hợp đồng cung cấp khí LNG dài hạn đầu tiên với Shell - Tập đoàn năng lượng và hóa dầu hàng đầu thế giới, theo đó Shell sẽ cung cấp khoảng 400.000 tấn LNG mỗi năm tại Kho cảng Thị Vải trong giai đoạn từ năm 2027 đến 2031. Đây là lần đầu tiên GAS chuyển từ hình thức mua LNG chủ yếu trên thị trường giao ngay, sang ký kết hợp đồng có thời hạn dài. Điều này có ý nghĩa chiến lược trong việc đảm bảo nguồn cung LNG ổn định, thay vì phụ thuộc thị trường giao ngay – vốn biến động mạnh.

- GAS tăng cường đầu tư vào hạ tầng và củng cố nguồn cung trong nước: GAS đã công bố kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản quy mô 65.000 tỷ đồng cho giai đoạn 2026 -2030, với mục tiêu phát triển toàn diện chuỗi giá trị. Trong đó, tập trung phát triển các mỏ khí mới; ưu tiên xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng LNG chiến lược và các đường ống dẫn khí; đầu tư vào các dự án điện khí/LNG để tối ưu hóa giá trị sử dụng khí tự nhiên trong lĩnh vực sản xuất điện. Về LNG, GAS đang có chiến lược phát triển kho cảng và trung tâm tái hóa khí LNG tại cả 3 khu vực miền Bắc, Trung và Nam, trong đó tập trung Dự án LNG Thị Vải GĐ 2 (công suất mở rộng lên 3 triệu tấn/năm), Dự án LNG Sơn Mỹ (GĐ 1: 3,6 triệu tấn/năm, GĐ 2: mở rộng lên 6 triệu tấn/năm).
- ✓ **Kỳ vọng từ các dự án lớn của ngành được thúc đẩy tiến độ triển khai**. GAS hiện đang và sẽ tham gia vào các dự án lớn như Dự án LNG Thị Vải, Dự án LNG Sơn Mỹ, Dự án Sư tử trắng – GĐ 2B, Dự án Lô B – Ô Môn, Nam Du – U Minh, Kinh Ngư Trắng, Thiên Nga – Hải Âu... Các dự án này dự kiến sẽ giúp cải thiện năng lực cung cấp khí của GAS thời gian tới, giúp giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn khí nội địa do các mỏ đang bị suy kiệt. Đặc biệt dự án Lô B – Ô Môn dự kiến đem lại cho GAS 10.000 tỷ đồng doanh thu/năm từ việc vận chuyển, phân phối khí cho các NMĐ từ năm 2027.
- ✓ Tuy nhiên, trong ngắn hạn, chúng tôi cho rằng GAS vẫn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức như nguồn khí cạn kiệt, thị trường LPG cạnh tranh khốc liệt....
- **Dự phóng & định giá:**
 - ✓ ABS Research dự phóng DTT & LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của GAS dự kiến đạt 154.658 tỷ đồng (+14,5% svck) & 13.301 tỷ đồng (+16,5% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.512 đ/cp & 30.987 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 21,32 và 3,61 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 17,8%.
 - ✓ Chúng tôi xác định giá mục tiêu của GAS là 115.400 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh P/E & P/B (-0,3% so với giá hiện tại). Chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu GAS.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA GAS

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	100.724	89.954	103.564	135.129
Giá vốn hàng bán	-79.409	-73.029	-85.910	-118.190
Lợi nhuận gộp	21.315	16.925	17.654	16.939
Doanh thu tài chính	1.568	2.273	1.737	1.584
Chi phí tài chính	-671	-587	-660	-387
Chi phí bán hàng	-2.440	-2.544	-2.415	-2.490
Chi phí QLDN	-1.075	-1.475	-3.197	-1.324
Lợi nhuận từ HĐKD	18.728	14.619	13.156	14.363
Lãi/Lỗ khác	78	20	16	-4
Lợi nhuận trước thuế	18.806	14.640	13.172	14.359
Lợi nhuận sau thuế	15.066	11.793	10.590	11.572
LNST cổ đông Công ty mẹ	14.798	11.606	10.398	11.414

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	12.792	13.827	9.035	13.378
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	265	-11.249	7.468	-6.719
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-7.809	-7.463	-16.612	-5.352
LCT thuần trong kỳ	5.248	-4.885	-109	1.308
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	5.300	10.549	5.669	5.568
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	10.549	5.669	5.568	6.876

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	4,46	4,16	3,93	3,40
Khả năng thanh toán nhanh	4,04	3,85	3,58	3,15
Khả năng thanh toán tiền mặt	2,74	2,72	2,27	1,94
Khả năng thanh toán lãi vay	56,83	44,06	42,34	67,46

Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,74	0,74	0,75	0,72
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,26	0,26	0,25	0,28
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,10	0,09	0,05	0,04

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	35,9	44,1	51,6	50,6
Số ngày phải trả	30,5	34,5	28,0	27,7
Số ngày tồn kho	16,9	20,1	18,1	13,8

Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21,2%	18,8%	17,0%	12,5%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	17,7%	14,4%	11,6%	9,8%
Tỷ suất LNST	15,0%	13,1%	10,2%	8,6%
ROE	26,6%	18,6%	16,7%	17,9%
ROA	18,7%	13,8%	12,5%	13,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	10.549	5.669	5.568	6.876
+ Đầu tư ngắn hạn	23.726	35.085	27.494	32.891
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	16.191	16.865	19.098	24.841
+ Hàng tồn kho	4.102	3.945	4.599	4.364
+ Tài sản ngắn hạn khác	1.082	654	531	889
Tài sản ngắn hạn	55.652	62.218	57.290	69.861
+ Các khoản phải thu dài hạn	169	318	531	1.138
+ Tài sản cố định	16.370	19.532	18.222	15.951
+ Bất động sản đầu tư	36	32	30	29
+ Tài sản dở dang dài hạn	5.978	1.781	1.718	2.877
+ Đầu tư dài hạn	406	398	400	406
+ Tài sản dài hạn khác	4.053	3.476	3.663	3.269
Tài sản dài hạn	27.011	25.537	24.564	23.670
Tổng Tài sản	82.663	87.754	81.855	93.532
+ Vay ngắn hạn	45	1.605	934	1.440
+ Nợ ngắn hạn khác	12.443	13.367	13.642	19.097
Nợ ngắn hạn	12.488	14.972	14.575	20.537
+ Vay dài hạn	6.038	4.271	2.291	1.532
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	2.963	3.213	3.418	3.809
Nợ dài hạn	9.001	7.484	5.708	5.341
Tổng nợ phải trả	21.489	22.456	20.284	25.878
+ Vốn cổ phần	19.140	22.967	23.427	24.129
+ Thặng dư vốn cổ phần	211	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.241	16.880	9.553	12.484
+ Quỹ khác	22.582	25.451	28.591	31.040
Vốn chủ sở hữu	61.174	65.299	61.571	67.653
Tổng cộng nguồn vốn	82.663	87.754	81.855	93.532

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	27,5%	-10,7%	15,1%	30,5%
Tăng trưởng LNNT	66,3%	-21,7%	-9,9%	8,0%
Tăng trưởng LNST	70,2%	-21,7%	-10,2%	9,3%
Tăng trưởng VCSH	17,2%	6,7%	-5,7%	9,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	4,9%	6,2%	-6,7%	14,3%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	16,2	15,2	15,6	15,1
P/B	3,2	2,7	2,6	2,64
EPS	6.280	4.972	4.354	4.786
BVPS	31.274	27.887	25.718	27.475

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây